TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HS-ST
Ngy 19/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Yến - Cán bộ hưu;

- Bà Đỗ Thị Hoài Mơ - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên toà: Bà Thân Thị Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngy 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2023/TLST-HS Ngy 08 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/TLST-HS Ngy 08 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 2001. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn Giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979; mẹ đẻ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1981; gia đình bị can có 03 anh chị em, bị can là con thứ 02 trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Chị Từ Thị Quế L1, sinh năm 1992

Địa chỉ: đường Th, phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2020 thông qua mạng xã hội Facebook Nguyễn Văn T, sinh năm 2001, trú tại thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang quen biết chị Từ Thị Quế L1, sinh năm 1992, hiện ở Th, Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi quen biết, T sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook, mang tên "T Trọc" để nhắn tin, trò chuyện với chị L1, sau đó cả hai nảy sinh tình cảm rồi thường xuyên gọi điện thoại có hình ảnh cho nhau qua ứng dụng MesSger. Trong một số lần liên lạc với T, chị L1 đã tự cởi áo bộc lộ một phần cơ thể cho T xem. T đã quay video màn hình ghi lại những hình ảnh hở một phần cơ thể của chị L1 và lưu trữ trên ứng dụng Google Photos. Trong thời gian quen biết nhau, T và chị L1 không trực tiếp gặp nhau mà chỉ gọi điện, nhắn tin trò chuyện qua ứng dụng MesSger. Đến giữa năm 2021, chị L1 và T không còn thân thiết với nhau nên chị L1 đã chủ động chặn liên lạc với T từ ứng dụng MesSger. Đến khoảng tháng 12 năm 2022, T lập thêm 01 tài khoản mạng xã hội Facebook, lấy tên là "Hưng Nhị" để sử dụng. Lúc này do không có tiền chi tiêu nên T nảy sinh ý định gửi những hình ảnh nhạy cảm cho chị L1 để ép chị L1 chuyển tiền cho T. Thực hiện ý định trên Ngy 17/01/2023, khi T đang ở nhà tại thôn S, xã B, huyện Lục Nam, T chụp lại những hình ảnh nhạy cảm (hở một phần cơ thể) của chị L1 từ đoạn video mà T đã quay lại được trước đó rồi sử dụng tài khoản "Hưng Nhị" của mình đăng tải hình ảnh của chị L1 lên mạng xã hội Facebook, kèm theo dòng trạng thái "Có full viedeo người lớn của em L1 ạ ful hd ai cần ib cho em nha! Nổi như cồn chua sẻ giúp em với".

Sau đó, T dùng tài khoản "Hưng Nhị" nhắn tin yêu cầu chị L1 chuyển số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào tài khoản Ngân hàng cho T, kèm theo nội dung "cho mượn tiền qua Tết trả". Lo sợ việc T sẽ phát tán hình ảnh của mình lên mạng nên chị L1 đã làm theo yêu cầu của T, sử dụng tài khoản số 03376740501, Ngân hàng TPBank mang tên Từ Thị Quế L1 chuyển trước số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến số tài khoản 103877180626, Ngân hàng VietinBank mang tên Nguyễn Văn T. Sau khi nhận tiền, T tiếp tục nhắn tin yêu cầu chị L1 chuyển tiếp số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) trước 30 Tết, do không còn tiền và lo sợ việc bị T đăng hình ảnh lên mạng nên Ngy 18/01/2023, chị L1 đã làm đơn tố giác gửi Cơ quan điều tra Công an Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giải quyết. Đến Ngy 16/03/2023, Cơ quan điều tra Công an Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển tố giác của chị L1 đến Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngy 03/4/2023, Nguyễn Văn T giao nộp: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh rêu, đã qua sử dụng, có số máy MWGJ2LL/A, số seri F2LZR44VP/70G, số IMEI 353894107148107 (BL 88).

Ngy 28/10/2023, bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1955 ở thôn S, xã B, huyện Lục Nam (là bà nội T) giao nộp số tiền 2.000.000 đồng (BL 90).

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Văn T nhận dạng ảnh chị Từ Thị Quế L1, cho chị Từ Thị Quế L1 nhận dạng ảnh Nguyễn Văn T, kết quả: Chị L1 nhận dạng được T là người đã nhắn tin đe dọa, ép chị phải chuyển tiền và T cũng nhận dạng được chị L1 là người mà T đe dọa yêu cầu chuyển tiền (BL 64-68; 110-115).

Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max của Nguyễn Văn T, kết quả: Tại danh mục ảnh và tại mục Google Photos phát hiện video, hình ảnh, T trình bày là do T quay, chụp lại khi nói chuyện với chị L1 (BL 69-87).

Kết quả sao kê tài khoản Ngân hàng số 103877180626 của Ngân hàng VietinBank mang tên Nguyễn Văn T, thể hiện: Lúc 09:23:57 Ngy 17/01/2023 tài khoản trên nhận được số tiền 2.000.000 đồng từ số tài khoản 03376740501 của Ngân hàng TPBank mang tên Từ Thị Quế L1 (BL 47-48).

Đối với hành vi Nguyễn Văn T đăng tải hình ảnh hở một phần cơ thể của chị Từ Thị Quế L1 lên mạng xã hội Facebook nhằm uy hiếp tinh thần để cưỡng đoạt tiền của chị L1. Quá trình điều tra Xc định hình ảnh được đăng tải trên mạng xã hội trong thời gian ngắn, chưa xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của chị L1; hình ảnh T đăng lên cũng không có tính chất đồi trụy, khiêu dâm nên Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Từ Thị Quế L1 yêu cầu T trả lại số tiền 2.000.000 đồng. Hiện T đã tác động bà Nguyễn Thị Ng (là bà nội) giao nộp số tiền 2.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra để bồi thường cho chị L1.

Về vật chứng: 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max (có đặc điểm nêu trên), số tiền 2.000.000 đồng thu giữ trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam để giải quyết theo thẩm quyền.

*Tại bản Cáo trạng số: 89/CT-VKS Ngy 07 tháng 11 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Cưỡng đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự (viết tắt là BLHS)

* Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi của mình như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo Xc nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, không oan sai. Ngoài ra bị cáo còn trình bày: Bị cáo và chị Từ Thị Quế L1 quen nhau qua mạng xã hội từ năm 2020, khi đó bị cáo đang lao động tại Đài Loan. Trong quá trình quen nhau, bị cáo và chị L1 thường xuyên gọi điện thoại có hình ảnh qua ứng dụng MesSger. Đã một số lần chị L1 quay hình ảnh lộ một phần cơ thể của chị L1 cho bị cáo xem, bị cáo đã ghi lại những hình ảnh này. Đến giữa năm 2021 thì bị cáo và chị L1 chấm dứt quan hệ.

Do không có tiền, bị cáo đã lập một tài khoản mạng xã hộ Facebook lấy tên là "Hưng Nhị" và sử dụng những hình ảnh nhậy cảm của chị L1 gửi cho chị L1 để vay tiền 10.000.000 đồng, mục đích là bị cáo muốn chiếm đoạt số tiền này của chị L1. Chị L1 không đồng ý cho bị cáo vay tiền, bị cáo đã đe doạ chị L1, nếu chị L1 không chuyển tiền cho bị cáo, thì bị cáo sẽ đăng hình ảnh của chị L1 lên mạng xã hội. Chị L1 sợ đã chuyển cho bị cáo 2.000.000 đồng qua tài khoản của bị cáo. Bị cáo yêu cầu chị L1 chuyển tiếp 8.000.000 đồng, nhưng chị L1 không chuyển.

Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai, bị cáo đã nhờ bà nội nộp lại số tiền 2.000.000 đồng để trả cho chị L1.

- Bị hại Từ Thị Quế L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng vắng mặt tại phiên toà.

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Cưỡng đoạt tài sản.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, tính từ Ngy tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (viết tắt là BLTTHS).

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động đã cũ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội;

Trả cho chị Từ Thị Quế L1 2.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về quyền kháng cáo theo

quy định của pháp luật.

*Tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát:

- Bị cáo T tranh luận đối đáp: Bị cáo không tranh luận gì.

* Kết thúc tranh luận bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Bị hại chị Từ Thị Quế L1 và bà Nguyễn Thị Ng đã được Tòa án giao giấy triệu tập, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 của BLTTHS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử; Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người vắng mặt trong quá trình hỏi tại phiên tòa.

[2] Đánh giá tính hợp pháp về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện Lục Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Kiểm sát viên:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó cần Xc định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện Lục Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và Kiểm sát viên đã thực hiện là đúng pháp luật.

[3] Đánh giá chứng cứ về hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Ngy 17/01/2023, tại thôn S, xã B, huyện Lục Nam, Nguyễn Văn T sử dụng điện thoại đăng nhập mạng xã hội Facebook tên "Hưng Nhị" để đăng hình ảnh hở một phần cơ thể của chị Từ Thị Quế L1, sinh năm 1992 trú tại số 36/1 Đặng Thái Thân, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Hiện ở số 13 Thanh Loan, Phường 5, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh lên mạng xã hội Facebook. Sau đó T nhắn tin đe dọa, uy hiếp bắt chị L1 phải chuyển cho T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Cùng Ngy chị L1 đã chuyển khoản cho T

số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Sau khi chuyển tiền cho T lo sợ T tiếp tục đe dọa, uy hiếp nên chị L1 đã làm đơn trình báo.

Bị cáo lợi dụng sự quen biết với bị hại và mạng xã hội, đe doạ, uy hiếp bị hại về danh dự, nhân phẩm nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của chị L1, làm chị L1 sợ hãi, đã phải giao tiền cho bị cáo bằng cách chuyển khoản qua Ngân hàng 2.000.000 đồng cho bị cáo.

Do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Cưỡng đoạt tài sản, được qui định tại Điều 170 của BLHS.

Tài sản bị cáo nhằm chiếm đoạt là 10.000.000 đồng, thực tế đã chiếm đoạt được 2.000.000 đồng, nên hành vi của bị cáo đã phạm vào khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy bản Cáo trạng truy tố bị cáo về tội Cưỡng đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ; chỉ vì động cơ, mục đích có tiền ăn tiêu, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Do đó, phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự và có hình phạt tù, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét về nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiện hình sự đối với bị cáo.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội, bị cáo nhận thức được sai phạm của mình, nên đã tác động để gia đình bồi thường cho bị hại; Bị cáo đã được Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Lục Nam và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Lục Nam tặng giấy khen. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nhất thời phạm tội, ngoài lần phạm tội này không còn lần phạm tội nào khác. Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP Ngy 15/05/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP Ngy 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thấy cần khoan hồng cho bị cáo, không cần thiết bắt bị cáo chấp hành

hình phạt tù giam, mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt và không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[7] Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho chị Từ Thị Quế L1 2.000.000 đồng thông qua việc nộp cho Cơ quan điều tra. Do đó Xc nhận bị cáo đã bồi thường xong trách nhiệm dân sự cho chị L1.

Số tiền 2.000.000 đồng bị cáo bồi thường cho chị L1, đã được Cơ quan điều tra chuyển cho Chi cục thi hành án huyện Lục Nam, nên cần trả cho chị L1.

[9] Về vật chứng:

- 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[10] . Về các nội dung khác: Đối với hành vi Nguyễn Văn T đăng tải hình ảnh hở một phần cơ thể của chị Từ Thị Quế L1 lên mạng xã hội Facebook nhằm uy hiếp tinh thần để cưỡng đoạt tiền của chị L1. Quá trình điều tra Xc định hình ảnh được đăng tải trên mạng xã hội trong thời gian ngắn, chưa xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của chị L1; hình ảnh T đăng lên cũng không có tính chất đồi trụy, khiêu dâm nên Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam không đề cập xử lý là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ngy kể từ Ngy tuyên án.

Báo cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 Ngy kể từ Ngy nhận được tống đạt bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự;

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max màu xanh rêu đã qua sử dụng.

- Trả cho chị Từ Thị Quế L1 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ngy 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 33 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ngy kể từ Ngy tuyên án.

Báo cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 Ngy kể từ Ngy nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
- Bị cáo; người tham gia TT khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Thế Vinh